

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP**

Số 341 /QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk R'Lấp, ngày 26 tháng 2 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước
năm 2019 của huyện Đắk R'Lấp**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐND, ngày 18 tháng 12 năm 2018 của HĐND huyện Đắk R'Lấp về việc phê chuẩn dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2019;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 46 /TTr-TCKH, ngày 26 tháng 02 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, phòng Tài chính- Kế hoạch, thủ trưởng các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. *luuu*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Văn phòng Huyện ủy;
- Các phòng ban thuộc UBND huyện;
- Viện kiểm soát nhân dân huyện;
- Tòa án nhân dân huyện;
- Cơ quan của các đoàn thể huyện;
- UBND các xã thị trấn thuộc huyện;
- Cổng Thông tin điện tử;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



hlh
Lê Văn Thị

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 341 /QĐ-UBND, ngày 26 tháng 2 năm 2019
của UBND huyện Đắk R'Lấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN	393.215
I	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	98.545
-	Thu ngân sách huyện hưởng 100%	45.420
-	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	53.125
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	294.670
-	Thu bổ sung cân đối	204.450
-	Thu bổ sung có mục tiêu	66.753
-	Thu bổ sung thực hiện tiền lương 1,39tr đồng/tháng	23.467
III	Thu kết dư	
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	393.215
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	378.549
1	Chi đầu tư phát triển	42.493
2	Chi thường xuyên	328.288
3	Dự phòng ngân sách	7.768
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
5	Chi từ nguồn tăng thu DT2018/DT2017	
II	Chi các chương trình mục tiêu	14.666
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	14.666
-	Chương trình MTQG nông thôn mới	
-	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019(Kèm theo Quyết định số: 391/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 2 năm 2019
của UBND huyện Đắk R'Lấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2019	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC		
I	Thu nội địa	461.600	98.545
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý	141.155	2.360
	- Thuế giá trị gia tăng	35.300	1.320
	<i>Trong đó: Thu từ thủy điện</i>	32.000	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.600	1.040
	- Thuế tài nguyên	103.255	
	<i>Trong đó: Thu từ thủy điện</i>	33.000	
	- Thu khác		
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý	1.200	480
	- Thuế giá trị gia tăng	1.040	416
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	160	64
	- Thuế tài nguyên		
	- Thu khác		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	9.000	3.600
	- Thuế giá trị gia tăng	7.000	2.800
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.000	800
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
	- Thuế tài nguyên		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	125.490	33.784
	- Thuế giá trị gia tăng	101.380	31.820
	<i>Trong đó: Thu từ thủy điện</i>	21.830	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.410	1.764
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	200	200
	- Thuế tài nguyên	19.500	
	<i>Trong đó: Thu từ thủy điện</i>	17.500	
5	Thuế thu nhập cá nhân	18.430	12.901
6	Thuế bảo vệ môi trường		
7	Lệ phí trước bạ	21.800	21.800
8	Thu phí, lệ phí	85.230	2.615
	<i>Phí và lệ phí Trung ương</i>	585	
	<i>Phí và lệ phí tỉnh</i>	82.030	
	<i>Phí và lệ phí huyện, xã</i>	2.615	2.615
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2019	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	3.700	✓
12	Thu tiền sử dụng đất	20.000	✓ 20.000
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	31.890	✓
16	Thu khác ngân sách	3.705	✓ 1.005
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		
II	Thu viện trợ		

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 341 /QĐ-UBND, ngày 26 tháng 2 năm 2019
của UBND huyện Đắk R'Lấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	
I	Nguồn thu ngân sách	339.854
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	91.670
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	248.184
-	<i>Thu bổ sung cân đối</i>	<i>161.720</i>
-	<i>Thu bổ sung có mục tiêu</i>	<i>65.319</i>
-	<i>Thu bổ sung thực hiện tiền lương 1,39 tr.đồng/tháng</i>	<i>21.145</i>
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách	339.854
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	293.368
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã	46.486
-	Chi bổ sung cân đối	42.730
-	Chi bổ sung có mục tiêu	1.434
-	Chi bổ sung thực hiện tiền lương 1,39 tr.đồng/tháng	2.322
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
B	NGÂN SÁCH XÃ	
I	Nguồn thu ngân sách	53.361
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	6.875
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	46.486
-	<i>Thu bổ sung cân đối</i>	<i>42.730</i>
-	<i>Thu bổ sung có mục tiêu</i>	<i>1.434</i>
-	<i>Thu bổ sung thực hiện tiền lương 1,3 tr.đồng/tháng</i>	<i>2.322</i>
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách	53.361

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 34W/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 2 năm 2019
của UBND huyện Đắk R'Lấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách huyện	Chia ra	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	393.215	339.854	53.361
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	378.549	325.188	53.361
I	Chi đầu tư phát triển	42.493	42.493	
1	Chi đầu tư cho các dự án	32.493	32.493	
	Trong đó chia theo lĩnh vực:	-		
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.000	2.000	
-	Chi khoa học và công nghệ	-		
	Trong đó chia theo nguồn vốn:	-		
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	20.000	20.000	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	-		
2	Chi đầu tư phát triển khác	10.000	10.000	
II	Chi thường xuyên	328.288	276.639	51.649
	Trong đó:	-		
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	194.182	194.182	
2	Chi khoa học và công nghệ	365	365	
III	Dự phòng ngân sách	7.768	6.056	1.712
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-		
V	Chi từ nguồn tăng thu DT2018/DT2017	-		
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	14.666	14.666	
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	14.666	14.666	
-	Chương trình MTQG nông thôn mới	10.323	10.323	
-	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	4.343	4.343	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-		
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	-		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 341/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 2 năm 2019
của UBND huyện Đắk R'Lấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	371.674
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ	46.486
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	325.188
	<i>Trong đó:</i>	
I	Chi đầu tư phát triển	42.493
1	Chi đầu tư cho các dự án	32.493
	<i>Trong đó:</i>	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.000
1.2	Chi khoa học và công nghệ	
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình	
1.4	Chi văn hóa thông tin	
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
1.6	Chi thể dục thể thao	
1.7	Chi bảo vệ môi trường	
1.8	Chi các hoạt động kinh tế	
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	
1.10	Chi bảo đảm xã hội	
2	Chi đầu tư phát triển khác	10.000
II	Chi thường xuyên	276.639
	<i>Trong đó:</i>	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	194.182
2	Chi khoa học và công nghệ	365
3	Chi y tế, dân số và gia đình	
4	Chi văn hóa thông tin	1.332
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	1.597
6	Chi thể dục thể thao	214
7	Chi bảo vệ môi trường	2.689
8	Chi các hoạt động kinh tế	20.117
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	43.220
10	Chi bảo đảm xã hội	8.757
11	Chi sự nghiệp y tế	1.471
12	Chi AN - QP	2.190
13	Chi khác ngân sách	505
14	Chi trợ giá, trợ cước	
III	Dự phòng ngân sách	6.056
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	

(Kèm theo Quyết định số: 341/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 2 năm 2019 của UBND huyện Đắk R'Lấp)

Đơn vị: Triệu đồng

[illegible]

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 341 /QĐ-UBND, ngày 26 tháng 2 năm 2019 của UBND huyện Đắk R'Lấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYỀN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYỀN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	257.962		257.962						
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC									
1	Huyện uỷ	8.847		8.847						
2	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	1.806		1.806						
3	Văn Phòng HĐND & UBND	8.705		8.705						
	Trong đó: hoạt động của VP HĐND: 2.112 tr	0								
4	Phòng Tài chính - Kế hoạch	3.175		3.175						
5	Phòng Lao động TB&XH	9.505		9.505						
6	Phòng nội vụ	1.661		1.661						
	Trong đó: KP khen thưởng 600 tr	0								
7	Phòng Giáo dục & đào tạo	183.959		183.959						
8	Đài truyền Thanh	1.597		1.597						
9	Phòng văn hóa thông tin	2.076		2.076						
10	Phòng nông nghiệp & PTNT	1.671		1.671						
11	Phòng kinh tế hạ tầng	8.842		8.842						
12	Đội quản lý trật tự đô thị	8.652		8.652						
13	Phòng tài nguyên môi trường	1.202		1.202						
14	Phòng tư pháp	702		702						
15	Phòng y tế	505		505						
16	Thanh tra	1.085		1.085						

[illegible]

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 34/NQĐ-UBND, ngày 26 tháng 2 năm 2019 của UBND huyện Đắk R'Lấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Trợ giá, trợ cước	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11			12	13	14	15
	TỔNG SỐ	257.962	187.197	329	1.400	790	1.471	1.332	1.597	214	809	20.117	-	3.358	34.556	7.645	-	505
1	Huyện uỷ	8.847													8.847			
2	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	1.806	1.806															
3	Văn Phòng HĐND & UBND	8.705													8.705			
	<i>Trong đó: hoạt động của VP HĐND: 2.112 trđ</i>																	
4	Phòng Tài chính - Kế hoạch	3.175										720			2.455			
5	Phòng Lao động TB&XH	9.505	363				1.471								984	6.687		
6	Phòng nội vụ	1.661	600												1.061			
	<i>Trong đó: KP khen thưởng 600 trđ</i>																	
7	Phòng Giáo dục & đào tạo	183.959	182.718												1.241			
	<i>Gồm 10% TK SNGD&ĐT: 3.029 trđ</i>																	
8	Đài truyền Thanh	1.597							1.597									
9	Phòng văn hóa thông tin	2.076						1.332		214					530			
10	Phòng nông nghiệp & PTNT	1.671										933		732	738			
11	Phòng kinh tế hạ tầng	8.842		329								7.560			953			
12	Đội quản lý trật tự đô thị	8.652									609	8.043						
13	Phòng tài nguyên môi trường	1.202									200				1.002			
14	Phòng tư pháp	702													702			
15	Phòng y tế	505													505			
16	Thanh tra	1.085													1.085			
17	Phòng dân tộc	992	70												553	369		
18	Mặt trận	1.220													1.220			
19	Ban dân vận	1.072													1.072			

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Trợ giá, trợ cước	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11			12	13	14	15
20	BCH huyện đoàn	603													603			
21	BCH hội liên hiệp phụ nữ	621													621			
22	BCH hội nông dân	506													506			
23	BCH hội cựu chiến binh	573													573			
24	Hội người cao tuổi	286														286		
25	Hội chữ thập đỏ	303														303		
26	Trung tâm phát triển quỹ đất	235										235						
27	Trung tâm nghề nghiệp- GD thường xuyên	1.640	1.640															
28	BCH Hội đông y	50																50
29	Hội khuyến học	160																160
30	Hội Nạn nhân chất độc da cam - Dioxin	295																295
31	Hạt kiểm lâm	300										300		300				
32	Cơ quan quân sự huyện	1.400			1.400													
33	Công an	790				790												
34	Tiền báo Đảng, báo thôn buôn Bư Điện	600													600			
35	TT dịch vụ nông nghiệp	2.326										2326		2326				

DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2019(Kèm theo Quyết định số: 341 /QĐ-UBND, ngày 26 tháng 2 năm 2019 của UBND huyện Đắk R'Lấp)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp huyện	Số bổ sung thực hiện điều chỉnh tiền lương (Thu bổ sung thực hiện tiền lương 1,39tr.đồng/tháng)	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối ngân sách xã
			Tổng số	Chia ra					
				Thu ngân sách xã hưởng 100%	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ	53.361	6.875	4.893	1.982	44.164	2.322	-	-
1	TT Kiến Đức	4.834	1.305	1.063	242	3.430	99		
2	Xã Kiến Thành	4.542	612	409	203	3.745	185		
3	Xã Đắk Wer	4.579	668	470	198	3.717	194		
4	Xã Nhân Cơ	5.558	1.537	699	838	3.940	81		
5	Xã Nhân Đạo	4.250	213	170	43	3.812	225		
6	Xã Quảng Tín	5.931	670	594	76	4.941	320		
7	Xã Đắk Ru	4.974	504	454	50	4.204	266		
8	Xã Nghĩa Thắng	4.782	504	372	132	4.056	222		
9	Xã Đạo Nghĩa	4.398	154	140	14	4.009	235		
10	Xã Đắk Sin	4.985	457	357	100	4.262	266		
11	Xã Hưng Bình	4.528	251	165	86	4.048	229		

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 341 /QĐ-UBND, ngày 26 tháng 2 năm 2019
của UBND huyện Đắk R'Lấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
A	B	1=2+3+4	2	3	4
	TỔNG SỐ				

(Kèm theo Quyết định số: 341 /QĐ-UBND, ngày 26 tháng 2 năm 2019 của UBND huyện Đắk R'Lấp)

Đơn vị: Triệu đồng

[illegible]

(Kèm theo Quyết định số: 24/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 7 năm 2019 của UBND huyện Đắk R'Lấp)

Đơn vị: Triệu đồng

[illegible]